

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27-8-2021

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Sửu

Bà Trần Thị Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan Phương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2021/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* anh Đỗ Ngọc H, sinh năm 1993 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn Q, xã H, huyện T, tỉnh B.

* *Bị đơn:* chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Q, xã H, huyện T, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Đỗ Ngọc H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Th kết hôn năm 2017, trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh B. Sau khi kết hôn, chị Th về làm dâu nhà anh, vợ chồng đi làm công nhân ở B thỉnh thoảng mới về nhà. Đến tháng 12/2017 chị Th về H ở sinh cháu Đ. Đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị Th đi làm công nhân ở B nhưng anh không muốn chị Th xuống B làm, anh bảo chị Th về làm ở T, chị Th không nghe. Anh thấy chị Th nhắn tin với người đàn ông khác nên mẫu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Th.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Đỗ Duy Đ, sinh ngày 16/02/2018, hiện cháu Đ đang ở với anh. Ly hôn anh xin nuôi cháu Đ, anh không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa anh H có mặt giữ nguyên yêu cầu.

Tại bản tự khai ngày 04/5/2021, bị đơn là chị Nguyễn Thị Th trình bày: chị và anh H kết hôn tháng 7 năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình nhà chồng, cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 3 năm 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh H nghiện game, không chịu làm ăn, anh H ghen tuông, không cho chị đi làm, đánh chị, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 4 năm 2021 vợ chồng sống ly thân, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đồng ý ly hôn với anh H.

Về con chung: chị và anh H có 01 con chung là Đỗ Duy Đ, sinh ngày 16/02/2018, hiện cháu Đ đang ở với ông bà nội. Ly hôn chị xin nuôi cháu Đ, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, tài sản riêng, ruộng canh tác: chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa chị Th vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật vắng mặt tại các buổi mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Xử cho anh Đỗ Ngọc H được ly hôn chị Nguyễn Thị Th.

Về con chung: Giao cho anh H nuôi dưỡng con chung là Đỗ Duy Đ, sinh ngày 16/02/2018. Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H.

Về án phí: anh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: anh H khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung với chị Th có nơi cư trú tại thôn Q, xã H, huyện T, tỉnh B. Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại phiên tòa, chị Th vắng mặt nhưng chị Th đã được triệu tập lần thứ hai nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Th là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh H, chị Th kết hôn tháng 7 năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T nên hôn nhân

giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Đến năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay chị anh H xác định không còn tình cảm với chị Th và yêu cầu ly hôn. Chị Th đồng ý ly hôn với anh H. Hội đồng xét xử thấy hiện anh H, chị Th sống ly thân, mâu thuẫn giữa anh H, chị Th đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh H xin ly hôn chị Th, chị Th đồng ý ly hôn với anh H. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho anh H được ly hôn chị Th là phù hợp.

[3] Về con chung: anh chị có 01 con chung là Đỗ Duy Đ, sinh ngày 16/02/2018. Vợ chồng ly hôn, anh H, chị Th đều đề nghị được nuôi cháu Đ, anh chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh H làm công nhân tại T, chị Th làm công nhân ở B. Tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương đều xác nhận hiện nay chị Th, anh H có thu nhập đảm bảo cuộc sống. Hội đồng xét xử thấy: anh H, chị Th có 01 con chung là Đỗ Duy Đ, sinh ngày 16/02/2018 chưa thành niên nhưng cả hai vợ chồng đều có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Đ. Chị Th, anh H đều có đủ khả năng và điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tuy nhiên, hiện nay cháu Đ đang ở cùng với anh H do anh H và bố mẹ anh H chăm sóc từ nhỏ. Để đảm bảo cho việc ổn định cuộc sống, chăm sóc cháu Đ nên cần giao cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ là phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do anh H tự nguyện không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh nên không buộc chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H.

Sau khi ly hôn chị Th có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị Th thực hiện quyền này theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: anh H, chị Th không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: anh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Đỗ Ngọc H được ly hôn chị Nguyễn Thị Th.
2. Về con chung: giao cho anh Đỗ Ngọc H nuôi dưỡng con chung là Đỗ Duy Đ, sinh ngày 16/02/2018. Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H.

Sau khi ly hôn chị Th có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Th thực hiện quyền này.

3. Về án phí: anh Đỗ Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011262 ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Xác nhận anh Đỗ Ngọc H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kê từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đoàn Thị Oanh